

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC

Số: 1-LCT/HĐNN8

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 2 tháng 11 năm 1987

PHÁP LỆNH

Về lực lượng an ninh nhân dân Việt Nam

Để tăng cường bảo vệ an ninh quốc gia;

Để xây dựng lực lượng An ninh nhân dân Việt Nam vững mạnh, góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

Căn cứ vào Điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Pháp lệnh này quy về Lực lượng An ninh nhân dân Việt Nam.

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Bảo vệ an ninh quốc gia là nhiệm vụ của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và của toàn thể nhân dân Việt Nam.

Các cơ quan Nhà nước, đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội và mỗi công dân Việt Nam đều có nghĩa vụ bảo vệ an ninh của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Điều 2

Trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, lực lượng An ninh nhân dân là lực lượng nòng cốt, có nhiệm vụ đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ các lực lượng vũ trang và bảo vệ nhân dân.

Điều 3

Lực lượng An ninh nhân dân là một trong những lực lượng vũ trang trọng yếu, tin cậy của Đảng và Nhà nước, đặt dưới sự lãnh đạo thường xuyên và trực tiếp của Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng, sự thống lĩnh của Chủ tịch Hội đồng Nhà

nước, sự quản lý trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng và chịu sự giám sát của nhân dân.

Điều 4

Lực lượng An ninh nhân dân hoạt động theo đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 5

Lực lượng An ninh nhân dân phối hợp với các lực lượng vũ trang khác như Cảnh sát nhân dân, Quân đội nhân dân, với các cơ quan Nhà nước, dựa vào các đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội và sức mạnh của toàn dân để làm nhiệm vụ.

Các lực lượng vũ trang, cơ quan Nhà nước, đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội và mỗi công dân có trách nhiệm cộng tác, giúp đỡ lực lượng An ninh nhân dân làm tròn nhiệm vụ.

Chương 2:

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA LỰC LƯỢNG AN NINH NHÂN DÂN VIỆT NAM

Điều 6

Lực lượng An ninh nhân dân thường xuyên nâng cao cảnh giác cách mạng trong cán bộ, nhân dân, xây dựng thế trận an ninh liên hoàn vững mạnh, chủ động phòng ngừa và tấn công làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

Điều 7

Lực lượng An ninh nhân dân bảo vệ an toàn cuộc sống của nhân dân, bảo vệ tính mạng, tài sản, tự do, danh dự, nhân phẩm, các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tôn trọng quyền dân chủ xã hội chủ nghĩa của nhân dân.

Điều 8

Lực lượng An ninh nhân dân bảo vệ an toàn cán bộ, an ninh các cơ quan của Đảng, Nhà nước, đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội; bảo vệ an ninh các đoàn khách, cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế và người nước ngoài ở Việt Nam.

Điều 9

Lực lượng An ninh nhân dân tổ chức và thực hiện việc bảo vệ bí mật Nhà nước, an ninh biên giới, an ninh các khu vực xung yếu về chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, văn hoá, xã hội và an ninh các cơ sở khoa học - kỹ thuật; quản lý công tác an ninh trong thông tin liên lạc; quản lý việc thực hiện quy chế xuất cảnh, nhập cảnh, quy chế đối với người nước ngoài cư trú, làm việc ở Việt Nam.

Điều 10

Lực lượng An ninh nhân dân tiến hành các hoạt động điều tra và đề nghị truy tố người phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.

Điều 11

Lực lượng An ninh nhân dân tổ chức hướng dẫn các lực lượng vũ trang, cơ quan Nhà nước, đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội và công dân làm tròn nghĩa vụ bảo vệ an ninh, xây dựng cơ quan, đơn vị an toàn, bảo mật phòng gian và xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Điều 12

Cán bộ, chiến sĩ An ninh nhân dân khi làm nhiệm vụ được ưu tiên đi lại bằng các phương tiện giao thông công cộng; trong trường hợp đang làm nhiệm vụ cấp thiết được sử dụng các phương tiện giao thông, thông tin liên lạc và các phương tiện kỹ thuật khác của các cơ quan, tổ chức và cá nhân, kể cả người đang điều hành, sử dụng các phương tiện ấy.

Điều 13

Trong trường hợp cấp thiết, cán bộ, chiến sĩ An ninh nhân dân đang làm nhiệm vụ được tạm đình chỉ hoặc đình chỉ những việc làm nào có nguy hại đến an ninh quốc gia và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định ấy.

Điều 14

Hội đồng Nhà nước có thể giao cho lực lượng An ninh nhân dân những nhiệm vụ và quyền hạn khác, khi xét thấy cần thiết.

Chương 3:

TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG AN NINH NHÂN DÂN VIỆT NAM

Điều 15

Lực lượng An ninh nhân dân tổ chức theo nguyên tắc tập trung, thống nhất, bố trí theo mục tiêu, đối tượng, địa bàn, đảm bảo tính thường xuyên chiến đấu.

Tổ chức bộ máy, trang bị phương tiện kỹ thuật về chuyên môn - nghiệp vụ và các phương tiện hoạt động khác của lực lượng An ninh nhân dân do Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng quy định.

Điều 16

Trong Lực lượng An ninh nhân dân, sĩ quan phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp; hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp hoặc theo chế độ nghĩa vụ.

Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ trong Lực lượng An ninh nhân dân được coi là làm nghĩa vụ quân sự.

Chế độ nghĩa vụ trong Lực lượng An ninh nhân dân áp dụng như chế độ nghĩa vụ quân sự do Luật nghĩa vụ quân sự quy định.

Điều 17

Cán bộ, chiến sĩ An ninh nhân dân được Nhà nước phong hàm cấp tướng, cấp tá, cấp úy, cấp hạ sĩ quan và chiến sĩ.

Hệ thống cấp bậc hàm quy định như sau:

Cấp tướng có 4 bậc:

Đại tướng,

Thượng tướng,

Trung tướng,

Thiếu tướng;

Cấp tá có 3 bậc:

Đại tá,

Trung tá,

Thiếu tá;

Cấp úy có 4 bậc:

Đại úy,

Thượng úy,

Trung úy,